

Quản trị công ty: Mô hình lý thuyết, thực trạng vận dụng ở các nước ASEAN và gợi ý cho các công ty Việt Nam

NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG*

Tóm tắt

Bài viết này trình bày hai mô hình quản trị công ty (QTCT) đã được đúc kết trên thế giới, đồng thời phân tích quá trình vận dụng mô hình QTCT tại hai quốc gia được xem là thành công nhất trong các nước ASEAN về thực hành QTCT, từ đó đưa ra một vài gợi ý cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Từ khóa: quản trị công ty, các nước ASEAN, gợi ý cho Việt Nam

Summary

This research introduces two corporate governance models in the world. Also, it analyzes the adoption of these models in two ASEAN members which are successful in applying corporate governance, and then draws out several recommendations for Vietnamese companies.

Keywords: corporate governance, ASEAN countries, recommendation for Vietnam

GIỚI THIỆU

Mô hình Anglo-Saxon và mô hình châu Âu lục địa (hay mô hình CHLB Đức) là hai mô hình lý thuyết đã được khái quát hóa từ thực tiễn ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển mà chủ yếu ở châu Âu và Bắc Mỹ. Tuy có các điểm khác biệt, song các mô hình này đã được khẳng định là các mô hình lý thuyết nền tảng về QTCT và được áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới.

Dù là áp dụng mô hình quản trị nào, thì mục tiêu của QTCT cũng không thay đổi. Trên thực tế, các quốc gia khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm của quốc gia mình mà lựa chọn mô hình QTCT thích hợp. Theo đó, tại các quốc gia ASEAN, như: Thái Lan và Malaysia, mô hình QTCT kiểu Anglo-Saxon được lựa chọn áp dụng (Tăng Thị Thanh Thủy, 2019). Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình này cơ bản là phù hợp với điều kiện của 2 quốc

gia này dù rằng nội dung, bước đi và cách thức áp dụng có những nét khác biệt.

Hơn nữa, kể từ năm 2014, khi thể điểm QTCT Đông Nam Á chính thức được công bố, hệ thống QTCT của Thái Lan và Malaysia luôn dẫn đầu khu vực trong bảng xếp hạng. Trong khi đó, điểm QTCT của Việt Nam luôn nằm trong nhóm thấp nhất (Hình 1). Vì vậy, bài viết tập trung tìm hiểu thực trạng mô hình QTCT của hai quốc gia này để từ đó đề xuất một vài gợi ý cho Việt Nam.

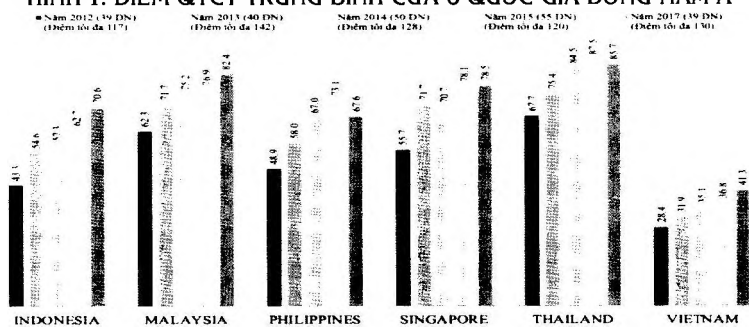
CÁC MÔ HÌNH LÝ THUYẾT VỀ QTCT

Mô hình Anglo-Saxon

Mô hình QTCT theo kiểu Anglo-Saxon hướng sự quan tâm của mình vào các cổ đông của công ty. Có thể khái quát các đặc điểm chính của mô hình này trên các mặt sau:

Thứ nhất, các bên liên quan chính trong mô hình Anglo-Saxon bao gồm: cấp quản lý, hội đồng quản trị (HĐQT) và các cổ đông (đặc biệt là các cổ đông tổ chức). Mô hình này có nguồn gốc từ các nền kinh tế thị trường phát triển, như: Vương quốc Anh, các nước thuộc khối thịnh vượng chung của Anh và Bắc Mỹ với nét đặc biệt là sự chia tách quyền sở hữu và kiểm

HÌNH 1: ĐIỂM QTCT TRUNG BÌNH CỦA 6 QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á



* TS., Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận bài: 16/02/2022; Ngày phản biện: 01/3/2022; Ngày duyệt đăng: 10/3/2022

soát trong các công ty đại chúng. Theo đó, các nhà đầu tư góp vốn và duy trì sự sở hữu bên trong công ty và nhượng lại cho các cấp quản lý quyền quản lý và kiểm soát công ty. Chi phí cho sự duy trì việc tách biệt quyền sở hữu và quyền kiểm soát công ty gọi là “chi phí đại diện” và được xây dựng từ lý thuyết đại diện.

Thứ hai, về quyền sở hữu trong mô hình Anglo-Saxon, mô hình này ghi nhận sự chuyển dịch cơ cấu và vị trí của cổ đông. Theo đó, tỷ lệ cổ đông là tổ chức không ngừng tăng lên, cùng với đó là sự gia tăng sức ảnh hưởng của các tổ chức này lên công ty.

Thứ ba, trong mô hình Anglo-Saxon, HĐQT có cấu trúc một tầng, tức là bản thân trong HĐQT đã bao gồm cả “người trong cuộc” và “người ngoài cuộc”, thay vì cần có ban kiểm soát riêng như trong cấu trúc hai tầng. Ban đầu, một người vừa là chủ tịch HĐQT, vừa là giám đốc điều hành (CEO) của công ty. Tuy nhiên, do tác động của một số yếu tố khác nhau trong quá trình phát triển, hiện đang hình thành xu hướng gia tăng thành viên bên ngoài công ty và sự tách biệt chức năng đại diện quyền sở hữu và quyền quản lý điều hành công ty.

Thứ tư, khung luật pháp và yêu cầu giải trình trong mô hình Anglo-Saxon: Ở Mỹ, các bộ luật về quỹ hưu trí và quy định về sản chứng khoán có tác động tích cực đến việc tham gia của nhà đầu tư tổ chức vào các công ty cổ phần, qua đó tác động đến các khía cạnh QTCT, quyền cổ đông và việc bỏ phiếu ở HĐQT. Khung pháp luật về QTCT ở Anh được ban hành bởi Quốc hội và thực thi bởi các tổ chức tự quản, thay vì một tổ chức thành viên của chính phủ như ở Mỹ. Đây là một yếu tố điểm trong khuôn khổ thực thi pháp luật của Anh so với Mỹ. Các sản giao dịch chứng khoán có vai trò quan trọng trong mô hình này với việc thiết lập danh sách, yêu cầu giải trình và các yêu cầu khác của việc niêm yết lên sản chứng khoán. Mỹ là nước có hệ thống yêu cầu giải trình được đánh giá là toàn diện nhất và hoàn thiện nhất với 8 loại thông tin bắt buộc hiện diện trong các báo cáo hàng năm. Anh và các nước khác yêu cầu giải trình ít thông tin hơn và định kỳ báo cáo 6 tháng.

Thứ năm, về sự tương tác giữa các bên liên quan và các hoạt động yêu cầu sự nhất trí của cổ đông, mô hình Anglo-Saxon thiết lập một hệ thống phức tạp,

nhưng có hiệu quả tốt trong việc đối thoại và tương tác giữa cổ đông và công ty. Trong đó, các cổ đông có quyền và có thể thực hiện quyền bỏ phiếu, mà không cần tham gia cuộc họp thường niên. Trong mô hình này, các nhà đầu tư tổ chức và các chuyên gia tài chính theo dõi hiệu quả hoạt động của công ty và cách thức QTCT. Các hoạt động yêu cầu sự nhất trí của cổ đông trong mô hình này bao gồm 2 hoạt động thường lệ của công ty (cuộc bầu HĐQT và lựa chọn các kiểm toán viên) và các hoạt động không thường lệ của công ty, song vẫn yêu cầu sự chấp thuận (thành lập hoặc sửa đổi các phương án lựa chọn cổ phiếu, sáp nhập và mua lại, tái cơ cấu và sửa đổi các điều khoản của công ty).

Mô hình châu Âu lục địa (hay mô hình CHLB Đức)

Mô hình CHLB Đức có sự khác biệt đáng kể so với mô hình Anglo-Saxon, thể hiện qua những đặc điểm sau:

Các bên tham gia cốt yếu trong hệ thống QTCT ở Đức là các ngân hàng và các cổ đông của công ty. Đặc biệt, các ngân hàng thường đóng nhiều vai trò: cổ đông, người cho vay, bên phát hành cổ phiếu và trái phiếu, bên lưu ký và đại diện bỏ phiếu ở hội đồng cổ đông. Trong mô hình CHLB Đức, các công ty khác cũng là cổ đông và đôi khi còn nắm các cổ phần dài hạn, ngay cả khi các công ty này không hề có mối liên hệ ngành hay kinh doanh nào với công ty cổ phần và sự hiện diện bắt buộc của đại diện công/nhân viên trong ban kiểm soát của công ty.

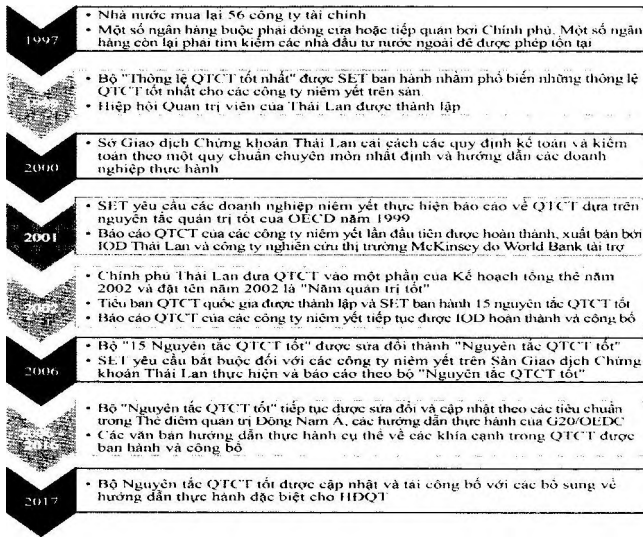
Đặc điểm về quyền sở hữu: Các ngân hàng và các tập đoàn kinh tế của Đức là những cổ đông chi phối. Các tổ chức đại diện như quỹ hưu trí hay chủ sở hữu cá nhân không phải là các nhóm có tác động đáng kể ở Đức, còn các nhà đầu tư nước ngoài có tác động ngày càng tăng lên trong hệ thống QTCT.

Thành phần HĐQT và ban kiểm soát: Các tập đoàn/công ty của Đức được điều hành bởi một ban kiểm soát và một ban quản lý. Ban kiểm soát có quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm ban quản lý, phê duyệt các quyết định quản lý chủ yếu. Ban quản lý chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động thường ngày của tập đoàn/công ty. Về thành phần, ban quản lý bao gồm thành viên HĐQT tham gia điều hành hoặc giám đốc điều hành, còn ban kiểm soát bao gồm đại diện người lao động và đại diện cổ đông, nhưng không có thành viên HĐQT độc lập. So với các mô hình khác, mô hình CHLB Đức có 2 sự khác biệt là: (i) Không thể thay đổi quy mô của ban kiểm soát, khi các bộ luật tương ứng chưa thay đổi; (ii) Thành phần ban kiểm soát có đại diện của công đoàn.

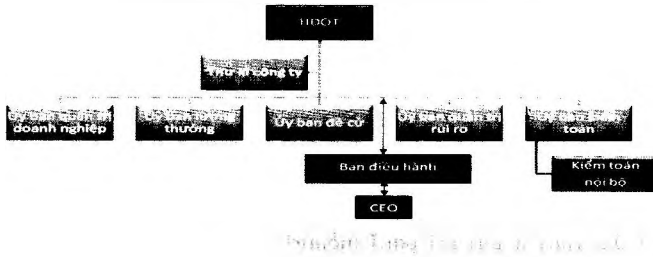
Về khung pháp lý và yêu cầu giải trình: Đức là một liên bang thống nhất mạnh mẽ, vì vậy cả luật liên bang và luật tiểu bang đều ảnh hưởng đến QTCT. Theo đó, các luật liên bang, như: Luật Công ty cổ phần, Luật Giao dịch chứng khoán, Luật Thương mại... điều chỉnh hoạt động công ty và thành phần của ban kiểm soát. Ngoài ra, một số luật tiểu bang cũng có những quy định riêng.

Các yêu cầu giải trình của Đức tuy không hoàn thiện bằng Mỹ, song được đánh giá là nghiêm ngặt bậc nhất thế giới. Ngoài sự khác biệt về các nội dung cần giải trình, mô hình QTCT của Đức còn có sự khác

HÌNH 2: QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH KHUNG PHÁP LÝ VỀ QTCT CỦA THÁI LAN



HÌNH 3: MÔ HÌNH QTCT CỦA THÁI LAN



biệt đáng kể giữa các chuẩn mực kế toán với Hoa Kỳ. Theo đó, khác với các công ty của Mỹ (nơi áp dụng mô hình Anglo-Saxon), các công ty của Đức được phép tích lũy dự trữ.

Về sự tương tác giữa các bên liên quan và các hoạt động yêu cầu sự nhất trí của cổ đông, mô hình CHLB Đức hướng đến các bên liên quan, vì vậy khung pháp lý và chính sách công của Đức được thiết kế để bảo đảm quyền lợi của người lao động, tập đoàn, ngân hàng và các cổ đông.

Một số vấn đề phát sinh nằm ở việc chuyển nhượng cổ phiếu và quyền thay mặt cổ đông của ngân hàng khi bỏ phiếu. Theo đó, ở Đức, hầu hết các cổ đông nhỏ lẻ mua cổ phiếu thông qua một ngân hàng và ngân hàng được quyền thay mặt các cổ đông này bỏ phiếu trong các cuộc họp của công ty theo quy định, các cổ đông không được phép bỏ phiếu bằng thư (như một số mô hình khác). Điều này dẫn đến xung đột tiềm ẩn giữa ngân hàng và cổ đông. Một điểm khác biệt lớn khác so với mô hình Anglo-Saxon, là ở mô hình CHLB Đức, các cổ đông không được quyền thay đổi quy mô hoặc thành phần của ban kiểm soát, mà phải xác định theo luật.

THỰC TRẠNG MÔ HÌNH QTCT TẠI MỘT SỐ NƯỚC ASEAN

Thái Lan

Sau hơn 20 năm xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về QTCT, đến nay, Thái Lan được đánh giá là một

trong các nước ASEAN có khung pháp lý về QTCT hoàn chỉnh bậc nhất (Hình 2). Nhờ đó, thực hành QTCT cũng đã đạt kết quả dẫn đầu của khu vực. Có thể khái quát quá trình triển khai áp dụng mô hình QTCT của Thái Lan trên các mặt sau:

Một là, Thái Lan sớm lựa chọn mô hình Anglo-Saxon để triển khai, đặc biệt sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, nhiều cải tiến thiết thực đã phát huy hiệu quả rõ rệt (He và Ho, 2009). Ba thành phần trong QTCT của Thái Lan theo mô hình Anglo-Saxon bao gồm: HĐQT, ban điều hành và cổ đông với cơ chế tương tác khá đơn giản giữa cổ đông và công ty, cũng như giữa các cổ đông bên trong và bên ngoài đại hội đồng cổ đông với nhau. Nét khác biệt so với mô hình gốc là hơn một nửa công ty Thái Lan có quyền sở hữu tập trung và ảnh hưởng của cổ phiếu gia đình thể hiện ở việc giám đốc điều hành có mối quan hệ đáng kể với cổ đông lớn nhất hoặc người sáng lập (Limpaphayom và Connelly, 2004). Điều này khiến cho không có sự tách biệt rõ ràng giữa quyền quản lý và quyền sở hữu trong công ty, dẫn tới thực trạng sở hữu chéo và cấu trúc sở hữu kiểu kim tự tháp rất rõ rệt. Mô hình QTCT điển hình của Thái Lan được mô tả tại Hình 3.

Hai là, về kết quả xây dựng và thực hành QTCT:

(i) Thành phần của HĐQT: Theo quy định của Sàn Giao dịch chứng khoán Thái Lan (SET), HĐQT của các công ty có tối thiểu là 5 và tối đa là 12 thành viên. HĐQT tổ chức họp ít nhất 6 lần một năm theo Bộ nguyên tắc QTCT năm 2017.

(ii) Về tính độc lập trong QTCT: Phải có ít nhất 3 giám đốc độc lập và 1 trong số này phải có chuyên môn về kế toán, kiểm toán. Tại Thái Lan, tính độc lập trong QTCT được hiểu là sự độc lập của các cổ đông lớn với người quản lý. Nói cách khác, Chủ tịch HĐQT không nên cùng giữ vị trí CEO và không có bất kỳ sự liên quan nào đến việc điều hành hàng ngày của công ty. Với các tiêu chí đánh giá khác, Thái Lan sử dụng theo bộ G20/OECD.

(iii) Về bảo đảm quyền lợi và đối xử công bằng với cổ đông: Nguyên tắc 8.1.4 và Nguyên tắc 3.9.4 trong Bộ nguyên tắc QTCT tốt năm 2017 đã quy định khá cụ thể về các nội dung này. Các công ty Thái Lan thực hiện khá tốt khía cạnh bảo vệ quyền của các cổ đông, nhưng họ vẫn cần cải thiện hiệu quả thực thi các hành vi đối xử công bằng với các cổ đông

thiếu số, sự minh bạch và trách nhiệm giải trình. Chính vì vậy, Chính phủ Thái Lan và SET đang hướng cải cách vào các nội dung, như: việc tham gia của cổ đông trong các đại hội đồng cổ đông, việc thực thi quyền bầu cử và việc các cổ đông được tiếp nhận các thông tin liên quan một cách công khai và minh bạch.

Bên cạnh đó, Thái Lan cho phép 2 phương thức bỏ phiếu để bổ nhiệm giám đốc là bỏ phiếu trực tiếp tại đại hội đồng cổ đông và bầu dồn phiếu. Trong đó, phương thức dồn phiếu là cách hiệu quả để tăng sự tham gia của cổ đông và bảo đảm quyền của họ. Ngoài ra, do thị trường Thái Lan hạn chế quyền sở hữu của người nước ngoài, nên trên thị trường Thái Lan xuất hiện “Biên lai lưu ký không bỏ phiếu” - một dạng đầu tư được nhận lợi ích tài chính tương tự cổ phiếu dành cho nhà đầu tư nước ngoài, nhưng không có quyền bỏ phiếu.

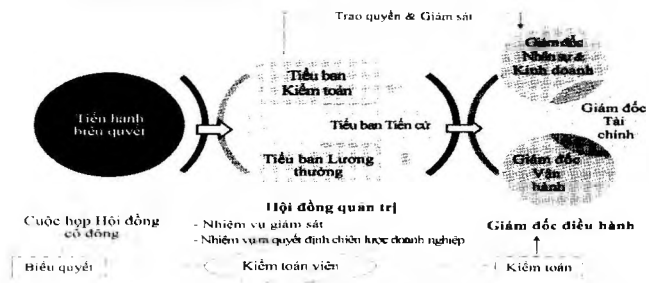
(iv) Về thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT: Bộ nguyên tắc QTCT năm 2002 bắt buộc mỗi công ty niêm yết đại chúng phải có tiểu ban kế toán, các tiểu ban khác được khuyến khích, nhưng không bắt buộc. Theo yêu cầu V.2.2 trong 15 nguyên tắc QTCT tốt của SET, phần lớn các thành viên của các tiểu ban nên là các giám đốc độc lập và trưởng các tiểu ban cần là giám đốc độc lập. Ngoài ra, đối với từng tiểu ban lại có yêu cầu riêng, chẳng hạn tiểu ban kế toán yêu cầu các thành viên phải có trình độ chuyên môn về tài chính, kế toán.

(v) Về công bố thông tin và tính minh bạch: Ban giám đốc có trách nhiệm công bố thông tin đầy đủ và chính xác trong báo cáo tài chính và các báo cáo được chuẩn bị cho các cổ đông giúp theo dõi toàn bộ hoạt động của công ty. Các thông tin này cần đăng tải trên các hệ thống của SET và trang web của công ty.

Ngoài ra, theo Bộ nguyên tắc QTCT tốt năm 2006, Tiểu ban Giao dịch chứng khoán (SEC) và SET đều quy định, các thông tin quan trọng của công ty, bao gồm: báo cáo tài chính và thông tin phi tài chính, cũng như bất kỳ thông tin nào khác phải được công bố chính xác, kịp thời và minh bạch thông qua các kênh dễ truy cập, công bằng và tin cậy.

(vi) Về thực hiện trách nhiệm xã hội của công ty: Các nguyên tắc 7.4, 7.5 và 6.4 trong Bộ nguyên tắc QTCT tốt năm 2017 đã quy định chi tiết các yêu cầu về thực hành trách nhiệm xã hội của công

HÌNH 4: MÔ HÌNH QTCT NIÊM YẾT CỦA MALAYSIA



Nguồn: Securities Commission Malaysia (2017)

ty. Theo kết quả đánh giá thể điểm QTCT năm 2017 ở Thái Lan của IFC (2018) cho thấy, về chính sách đối với nhân viên có 95% công ty cung cấp quỹ tiết kiệm hỗ trợ nhân viên, 95,5% có ban hành chính sách chống vi phạm nhân quyền và 99% có chính sách và hướng dẫn đào tạo. Về chính sách hướng tới cộng đồng, năm 2017, có 95% công ty có chính sách và thực hiện chương trình phát triển cộng đồng, 97% công ty thực hiện tốt chính sách kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn môi trường...

Malaysia

Từ một quốc gia có hệ thống QTCT yếu và kém hiệu quả, Chính phủ Malaysia đã bắt đầu công cuộc cải cách mạnh mẽ về QTCT và đã đưa nước này thành nước có thể điểm QTCT đứng thứ 3 khu vực (chỉ sau Thái Lan và Singapore) vào năm 2015 và vươn lên thứ 2 sau Thái Lan năm 2017 (IFC, 2018). Có thể khái quát các điểm chính trong quá trình cải cách QTCT ở Malaysia như sau:

Thứ nhất, về lựa chọn mô hình QTCT: Malaysia là thành viên trong “Khối thịnh vượng chung của Anh”, nên ngay từ ngày đầu cải cách QTCT, nước này đã theo đuổi mô hình Anglo-Saxon với mục tiêu tối đa hóa lợi ích của cổ đông. Trong mô hình này, có 3 thành phần quan trọng nhất là: Ban điều hành, Cổ đông và HĐQT. Mô hình chung QTCT niêm yết của Malaysia có cấu trúc như Hình 4.

Theo mô hình này, các cổ đông tương tác với HĐQT qua việc bầu cử và cùng với HĐQT giám sát và quyết định chiến lược của công ty, còn CEO cùng các giám đốc nắm vai trò điều hành quản lý các hoạt động thường ngày của công ty theo định hướng của đại hội cổ đông và HĐQT.

Thứ hai, về quá trình xây dựng và cải cách khung pháp lý QTCT ở Malaysia: Công cuộc cải cách QTCT ở Malaysia cho thấy sự tập trung vào việc phát triển khung pháp lý, bao gồm các bộ luật, các nghị định pháp lý và các hướng dẫn được thiết lập bởi 3 nhóm chính là: các nhà lập pháp, các sàn chứng khoán và các cơ quan hành pháp. Hệ thống luật pháp hiện hành liên quan đến QTCT ở Malaysia bao gồm: các nghị định sau Luật Công ty năm 2016, Luật về dịch vụ và thị trường vốn năm 2007, Bộ nguyên tắc QTCT năm 2017, Các quy định niêm yết trên sàn Bursa-Malaysia... Trong đó, Bộ nguyên tắc QTCT được nhận định là quan trọng nhất trong việc hình thành khung pháp lý QTCT ở Malaysia. Quá trình xây dựng và cải

HÌNH 5: QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH KHUNG PHÁP LÝ VỀ QTCT CỦA MALAYSIA

1998	• Tiêu bản Tài chính cấp cao về QTCT và Viện QTCT Malaysia • Luật Đạo đức cho thành viên HĐQT do Tiêu ban công ty phát hành
1999	• Báo cáo Tiêu bản Tài chính cấp cao về QTCT
2000	• Bộ Nguyên tắc QTCT Malaysia 2000 • Hiệp hội Giám sát và Bảo vệ nhà đầu tư nhỏ lẻ (MSWG)
2001	• Kế hoạch thị trường vốn • Sửa đổi mục QTCT trong Các quy định niêm yết trên sàn Bursa-Malaysia
2004	• Điều khoản liên quan đến tiết lộ thông tin nội bộ và sửa đổi cơ chế khi vi phạm luật an ninh
2007	• Sửa đổi Bộ nguyên tắc QTCT Malaysia và Đạo luật công ty sửa đổi 2007 • Đạo luật dịch vụ và thị trường vốn năm 2007
2010	• Hướng dẫn QTCT Bursa - Malaysia (Xuất bản lần 1) • Sửa đổi bổ sung Đạo luật dịch vụ và thị trường vốn • Tiêu bản Giám sát kiểm toán
2011	• Kế hoạch thị trường vốn 2 - Tăng trưởng cùng quản trị • Bản kế hoạch chi tiết QTCT 2011 và tham gia Thế giới QTCT ASEAN
2017	• Sửa đổi bổ sung Quy định niêm yết về các giao dịch liên quan đến các bên, QTCT và công bố thông tin nội bộ cùng với Bộ Nguyên tắc QTCT Malaysia 2012 • Sửa đổi bổ sung với Quy định niêm yết cho các công ty đại chúng về vấn đề phát hành báo cáo thường niên trong vòng 4 tháng từ ngày tài chính cuối năm • Hướng dẫn QTCT Bursa - Malaysia: Theo đuổi HĐQT ưu tú (Xuất bản lần 2) • Luật Malaysia cho các nhà đầu tư tổ chức và tiêu bản báo cáo hợp nhất • Hội đồng nhà đầu tư tổ chức Malaysia và Bộ công cụ, Khung mô hình bền vững Bursa • Báo cáo ưu tiên về các nhà đầu tư chính và các điểm quan trọng của tương lai • Đạo luật công ty 2016 sửa đổi và bổ sung các điều khoản bắt buộc liên quan đến báo cáo các chi phí không kiểm toán và biểu quyết nhóm • Bộ Nguyên tắc QTCT Malaysia mới và Hướng dẫn QTCT Bursa - Malaysia 2017 • Hiệp hội HĐQT công ty Malaysia • Bổ sung sửa đổi quy định niêm yết vào cách thức tiếp cận và quy chuẩn báo cáo QTCT mới

Source: Securities Commission Malaysia (2017)

cách khung pháp lý được mô tả tại Hình 5.

Thứ ba, kết quả xây dựng và thực hành QTCT ở Malaysia được tổng hợp và trình bày theo các nội dung sau:

- Thành phần và tính độc lập của HĐQT trong các công ty Malaysia được quy định trong Bộ nguyên tắc QTCT năm 2017 và Các yêu cầu niêm yết (Listing requirement) năm 2018. Theo đó, số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 2 và có ít nhất 1/3 đến 1/2 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Thậm chí, ở các công ty lớn, thì số thành viên độc lập cần chiếm đa số. Ngoài ra, các văn bản trên còn quy định yêu cầu về đa dạng giới tính.

Không chỉ quan tâm đến tính độc lập, tỷ lệ bình đẳng giới, Malaysia cũng quan tâm đến sự đa dạng về quốc tịch trong HĐQT và tăng cường các khóa huấn luyện cho các thành viên HĐQT nhằm cải thiện kỹ năng và năng lực cho các thành viên để đạt hiệu quả hoạt động cao cho HĐQT.

- Về đảm bảo quyền lợi và đối xử công bằng với cổ đông: Cổ đông là chủ công ty và mục tiêu của cấp quản lý là tối đa hóa lợi ích của cổ đông. Các quyền cơ bản của cổ đông theo quy định của OECD năm 1999 được tôn trọng. Tuy nhiên, theo đánh giá, dù Malaysia đứng thứ 2 sau Thái Lan về đối xử công bằng với cổ đông, nhưng lại tương đối yếu so với các nước trong khu vực về quyền lợi cổ đông, nhất là cổ đông nhỏ. Để khắc phục vấn đề này, Malaysia đã nỗ lực cải cách cơ cấu sở hữu theo hướng giảm cơ cấu sở hữu chéo. Các nội dung về quyền lợi và bảo đảm công bằng với cổ đông được điều chỉnh từ Luật QTCT năm 2000 đến Luật QTCT năm 2007 cho phù hợp với thực tiễn.

- Về việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT, Malaysia yêu cầu phải thành lập tiểu ban kế toán và

khuyến khích thành lập tiểu ban lương - thưởng, tiểu ban quản lý rủi ro. Ngoài ra, Malaysia cũng khuyến khích thành lập các tiểu ban khác, như: tiểu ban nhân sự, tiểu ban bền vững...

- Về công bố thông tin và tính minh bạch: Các nội dung này được quy định trong Bộ nguyên tắc QTCT và Đạo luật công ty của Malaysia. Theo đó, Malaysia quy định các thông tin cần công bố trong báo cáo thường niên, các mục tiêu và kế hoạch, các chính sách thực hành QTCT tốt, chính sách lương - thưởng của HĐQT và ban giám đốc, các thông tin và báo cáo tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông... Điều này làm tăng tính minh bạch trong công bố thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho đối thoại giữa các cổ đông và công ty.

- Về thực hành trách nhiệm xã hội của công ty: Nhìn tổng thể, luật pháp của Malaysia đã chú trọng bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, đã công bố khung mô hình bền vững, cũng như bộ công cụ và hướng dẫn báo cáo bền vững bắt buộc.

MỘT SỐ GỢI Ý CHO CÁC CÔNG TY VIỆT NAM

Như đã thể hiện tại Hình 1, những năm qua, điểm QTCT của Việt Nam nằm ở vị trí thấp nhất trong số các quốc gia Đông Nam Á. Trong đó, các điểm đánh giá về tính công khai, minh bạch trong công bố thông tin và hoạt động của HĐQT... đang là những điểm yếu làm giảm thứ bậc của Việt Nam. Nguyên nhân là do, hiện nay, các quy định về QTCT còn nằm rải rác tại các điều luật, văn bản dưới luật và văn bản hướng dẫn gây chồng chéo, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện...

Qua nghiên cứu thực tiễn thực hiện QTCT ở hai quốc gia Đông Nam Á là Thái Lan và Malaysia, tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện mô hình QTCT cho các công ty niêm yết Việt Nam như sau:

Về phía Nhà nước

Thứ nhất, cần tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện khung pháp lý thúc đẩy quá trình thực thi QTCT hiệu quả của các công ty niêm yết và nâng cao vai trò quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về QTCT. Việt Nam cần bổ sung các quy định chặt chẽ và hoàn thiện cơ chế thực thi các điều khoản hướng dẫn trong các nghị định hay thông lệ quốc tế

(được pháp luật Việt Nam công nhận) một cách chặt chẽ. Thực tế kinh nghiệm của Thái Lan và Malaysia đều chỉ rõ, bên cạnh các khuôn khổ và hướng dẫn chung của quốc tế, như: OECD, G20/OECD..., các quốc gia này đều có các đạo luật, các văn bản quy định, hướng dẫn thực thi QTCT hiệu quả.

Bên cạnh đó, cần nâng cao vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về QTCT, như: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ Tài chính), Ngân hàng Nhà nước và các bộ, ngành có liên quan. Cần xác định rõ vai trò của các cơ quan này là: tham mưu xây dựng văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn và các văn bản quy định chuyên ngành; hướng dẫn và tư vấn thực thi các văn bản này; theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc thực thi các văn bản trong thực tế, qua đó tổng kết quá trình thực hiện, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện văn bản. Việc thực thi quyền hạn và trách nhiệm của SET là một ví dụ về việc thực thi tốt vai trò của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về QTCT ở Thái Lan.

Ngoài ra, cần quy định rõ hơn tỷ lệ và điều kiện của các thành viên HĐQT độc lập theo hướng tăng tỷ lệ của nhóm thành viên này, nhằm bảo đảm tính khách quan, minh bạch trong hoạt động của HĐQT. Mặt khác, nên khuyến khích hơn nữa việc áp dụng phương thức bầu dồn phiếu để hỗ trợ nhóm cổ đông thiểu số thực hiện tốt hơn quyền bầu cử HĐQT.

Thứ hai, Chính phủ nên có các chính sách khuyến khích hơn nữa đối với việc thành lập, hỗ trợ điều kiện hoạt động của các hiệp hội và các tổ chức xã hội

có chuyên môn về QTCT. Kinh nghiệm của Thái Lan cho thấy, Chính phủ nước này luôn đề cao việc phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội, các hiệp hội cùng tham gia vào quá trình cải thiện việc thực hành QTCT đại chúng. Tại Malaysia, có 8 tổ chức hỗ trợ thực hành các khía cạnh của QTCT ở nước này. Trong khi đó, ở nước ta mới chỉ có 3 tổ chức phi lợi nhuận thực hiện các vai trò này, đó là Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Hiệp hội Công ty niêm yết. Tuy nhiên, việc 2 sàn giao dịch hoạt động độc lập dẫn đến một thực trạng là mỗi sàn có các hướng dẫn khác nhau, gây khó khăn cho việc đánh giá thực trạng thực hành QTCT tốt trên phạm vi cả nước. Từ thực trạng này, đòi hỏi Việt Nam cần nghiên cứu cho phép thành lập các tổ chức và hiệp hội với các chức năng như các tổ chức ở Thái Lan và Malaysia. Ngoài ra, cần hoàn thiện lại quy định về chức năng của các tổ chức này để hướng vào việc hỗ trợ cả quá trình thực hành lẫn đánh giá về QTCT.

VỀ PHÍA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT

Một là, thực hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc và quy định về QTCT tốt của OECD và các tiêu chuẩn QTCT của ASEAN. Khắc phục vấn đề thông tin thiếu toàn diện, chưa bảo đảm độ tin cậy, không kịp thời gian theo quy định..., bởi điều này làm giảm tính minh bạch và khách quan của thông tin, từ đó dẫn đến giảm khả năng tương tác giữa các bên liên quan với HĐQT trong các vấn đề QTCT.

Hai là, cần tăng số lượng thành viên độc lập trong cơ cấu thành viên HĐQT của các công ty cho phù hợp với các chuẩn mực đánh giá của khu vực.

Ba là, lưu ý đến việc thành lập các tiểu ban chuyên môn để giúp việc cho HĐQT. Theo đó, các công ty căn cứ đặc điểm và quy mô hoạt động của mình cần nghiên cứu bổ sung các tiểu ban chuyên môn để giúp việc cho HĐQT. Đồng thời, chú ý đến yêu cầu và tiêu chuẩn của các thành viên từng tiểu ban theo hướng dẫn chung của khu vực OECD và ASEAN để bảo đảm rằng, các tiểu ban này hoạt động có hiệu quả. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. IFC (2018). *Báo cáo QTCT Việt Nam theo Thẻ điểm QTCT khu vực ASEAN: Kết quả đánh giá 5 năm 2012-2017*
2. Tăng Thị Thanh Thủy (2019). *Mô hình QTCT tại các nước ASEAN và bài học cho các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học Ngoại thương
3. He, L., Ho, S. J. K. (2009). The Anglo-Saxon corporate governance model in Asia, *Journal for Global Business Advancement*, 2(1-2), 173-190
4. IOD (2017). *Corporate Governance Report of Thai listed companies in 2012*, Thai Institute of Directors Association, Bangkok, Thailand
5. Limpaphayom, P., Connelly, J. T. (2004). *Corporate governance in Thailand*, Working Paper, Asian Development Bank Institute
6. OECD (1999). *OECD Principles of Corporate Governance*
7. OECD (2017). *OECD Survey of Corporate Governance Frameworks in Asia*
8. Securities Commission Malaysia (2017). *Corporate Governance Strategic Priorities 2017-2020*
9. SET (2014). *Corporate Governance in Thailand*, Auscharm Thailand Advance